

Số: 63/2022/QĐST-DS

V, ngày 09 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 437/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn A, sinh năm 1959.

Địa chỉ: xã K, huyện M, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: đường G, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần B, sinh năm 1967.

Địa chỉ: đường Y, Phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: xã K, huyện M, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: đường G, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: đường E, Phường P, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Trần B, bà Nguyễn D xác nhận còn nợ vợ chồng ông Nguyễn A, bà Phan C số tiền 250.000.000đ (hai trăm lăm mươi triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền” ngày 20-4-2015 và ngày 20-10-2019.

2.2 Ông Trần B, bà Nguyễn D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn A, bà Phan C số tiền 250.000.000đ (hai trăm lăm mươi triệu đồng), cụ thể:

- Ông Trần B có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn A, bà Phan C số tiền 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Bà Nguyễn D có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nguyễn A, bà Phan C số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng).

2.3 Thời hạn thanh toán: Ông Trần B, bà Nguyễn D có nghĩa vụ trả số tiền trên cho vợ chồng ông Nguyễn A, bà Phan C trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 01-12-2022.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn A và bị đơn ông Trần B mỗi bên chịu 3.125.000 đồng. Tuy nhiên do ông A được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên ông A không phải nộp. Ông Trần B phải nộp 3.125.000đ (ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê